TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHỦ LÝ** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST
Ngày 26- 6 - 2018.
V/V "Tranh chấp kiện ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ – TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: bà Nguyễn Thi Mai Oanh.

Các *Hội thẩm nhân dân:* Ông Trịnh Văn Chi và ông Lê Chí Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Chính – Thẩm tra viên Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp kiện xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Đặng Văn N, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Xóm 6, xã T, huyện Lý N, tỉnh Hà Nam.

2. Bị đơn: chị Phạm Thị L, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Xóm 7, xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Phiên toà có mặt anh N, chị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn, bị đơn có quan điểm:

Anh Đặng Văn N và chị Phạm Thị L kết hôn là tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau khoảng ba năm, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn ngày 29/8/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Nhân T, huyện L, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn anh Đặng Văn N làm thợ mộc, chị Phạm Thị L làm may, vợ chồng ở cùng bố mẹ vợ tại L, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Thời gian vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng bốn đến năm năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh N làm ăn thua lỗ dẫn đến vợ chồng mắng cãi chửi nhau, anh N đã đưa con lớn của vợ chồng là Đặng Thị Yến V về quê ở xã Nhân T, huyện L, tỉnh Hà Nam sinh sống từ tháng 5/2015 đến nay, còn chị L cùng con nhỏ vẫn ở tại nhà bố, mẹ đẻ chị tại Xóm 7, xã L, thành phố P. Quá trình sống ly thân anh N và chị L không ai còn

quan tâm đến cuộc sống của nhau. Thời gian gian sống ly thân anh N có một vài lần tìm chị L để đoàn tụ nhưng không có kết quả nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị L. Chị L thấy tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 02 con chung là Đặng Thị Yến V (con gái), sinh ngày 09/9/2010 và Đặng An T (con gái), sinh ngày 05/3/2012. Hiện Đặng Thị Yến V đang ở với anh N, Đặng An T đang ở với chị L. Trong đơn khởi kiện anh N xin nuôi con chung của vợ chồng là Đặng Thị Yến V. Quá trình giải quyết vụ án tại phiên hòa giải ngày 15/5/2018 anh N, chị L thống nhất thỏa thuận giao cả hai con chung cho chị Phạm Thị L nuôi dưỡng, anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/ tháng cho cả hai con chung kể từ tháng 5/2018. Ngày 18/5/2018 anh Đặng Văn N có đơn khiếu nại gửi đến Tòa án về việc không đồng ý giao cả hai con chung cho chị Phạm Thị L nuôi dưỡng và giữ nguyên nguyện vọng xin nuôi cháu Đặng Thị Yến V, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung. Chị L vẫn giữ nguyên quan điểm xin nuôi cả hai con chung yêu cầu anh Đặng Văn N cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 2.000.000đ.

Anh N, chị L thống nhất thỏa thuận vợ chồng không có con nuôi, con riêng, hiện chị L không có thai nghén.

Về tài sản chung, riêng, công nợ, công sức đóng góp: Anh N, chị L thống nhất thỏa thuận không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại phiên toà: anh N vẫn giữ nguyên quan điểm khi ly hôn xin nuôi con chung là Đặng Thị Yến V, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung. Anh N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là Đặng An T cùng chị L mỗi tháng 700.0000đ kể từ tháng 6 năm 2018, anh tự nguyện nộp án phí ly hôn thay cả phần của chị L. Chị L đồng ý ly hôn, xin nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung. Con nuôi, con riêng, tài sản, công nợ, các khoản nghĩa vụ chung khác, các đương sự thống nhất không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

+ Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thẩm tra viên tại phiên tòa: đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị HĐXX xem xét, quyết định:

Áp dụng điều 28, 35, 39, 68, 144, 147; Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh N và chị L Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Đặng Văn N và chị Phạm Thị L.

2/ Về con chung: Giao cháu Đặng Thị Yến V cho anh N chăm sóc, nuôi dưỡng; cháu Đặng An T cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L 700.000đ/ tháng.

3/ Về con nuôi, con riêng, tài sản, công nợ: Anh N, chị L không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đề cập.

4/ Về án phí:

Án phí ly hôn sơ thẩm: anh Đặng Văn N và chị Phạm Thị L phải nộp theo quy định của pháp luật.

Án phí cấp dưỡng anh N phải nộp theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. HĐXX, thấy:

[1] Về thẩm quyền: Xét thấy yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Đặng Văn N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa anh Đặng Văn N và chị Phạm Thị L là hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 29/8/2009 tại UBND xã Nhân T, huyện L, tỉnh Hà Nam đã thoả mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Đặng Văn N, Hội đồng xét xử thấy:

Sau khi kết hôn anh N và chị L chung sống hạnh phúc đến tháng 5/2015 thì phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ đó cho đến nay là có thật được đôi bên thừa nhận. Thời gian sống ly thân anh N đã vài lần gặp gỡ chị L mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả. Nay anh N xin ly hôn, chị L thấy mâu thuẫn vợ chồng kéo dài nhiều năm không thể đoàn tụ được nên chị L đồng ý thuận tình ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh N và chị L đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung đã hoàn toàn chấm dứt, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh N và chị L theo quy định tại các Điều 54, 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là đúng thực tế và phù hợp với pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 02 con chung là Đặng Thị Yến V, sinh ngày 09/9/2010 và Đặng An Th, sinh ngày 05/3/2012. Khi ly hôn anh N xin nuôi con chung là Đặng Thị Yến V không yêu cầu chị L chấp dưỡng nuôi con chung, anh N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L mỗi tháng 700.000đ, kể từ tháng 6/2018. Chị Phạm Thị L xin nuôi cả hai con chung, tại phiên tòa chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng về việc nuôi con chung của anh N và chị L đều chính đáng; Tuy nhiên từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay cháu Đặng Thị Yến V ở với anh N, hiện cháu đang học tại Trường tiểu học xã Nhân T, huyện L, tỉnh Hà Nam. Hội đồng xét xử thấy điều kiện nuôi dạy, chăm sóc con chung của các bên là ngang

nhau đều là công nhân ở các công ty, có thu nhập ổn định. Để đảm bảo sự phát triển bình thường trong cuộc sống cũng như việc học tập và nguyện vọng của cháu Đặng Thị Yến V nên Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Yến V cho anh N nuôi dưỡng, giao cháu An Th cho chị L nuôi dưỡng. Việc anh N xin cấp dưỡng nuôi con chung thứ hai cùng chị L hàng tháng 700.000đ kể từ tháng 6/2018 là tự nguyện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ em nên được Hôi đồng xét xử chấp nhận theo các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Con nuôi, con riêng anh N và chị L thống nhất vợ chồng không có con nuôi, con riêng, hiện chị L không có thai nghén nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, riêng, công nợ và công sức đóng góp: anh N và chị L thống nhất thỏa thuận không có nên Hội đồng xét xử không đề cập.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Các đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật. Chấp nhận sự tự nguyện của anh N xin nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm thay cho cả phần của chị L. Án phí cấp dưỡng, anh N phải nộp theo quy định của pháp luật.

Quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 143; Điều 144; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 54, 55, 57, 58, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Đặng Văn N và chị Phạm Thị L.

2/ Về con chung: Giao anh Đặng Văn N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là Đặng Thị Yến V (con gái), sinh ngày 09/9/2010. Giao chị Phạm Thị L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục chon chung của vợ chồng là Đặng An T (con gái), sinh ngày 05/3/2012. Chấp nhận sự tự nguyện của anh N cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L đối với Đặng An T là 700.000đ/tháng kể từ tháng 6/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Hai bên có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không bên nào được cản trở quyền gặp gỡ, chăm sóc và thăm nom con chung.

3/ Về tài sản chung riêng, công nợ và công sức đóng góp: anh Đặng Văn N và chị Phạm Thị L thống nhất thỏa thuận không có, không đề nghị giải quyết.

4/ Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: anh Đặng Văn N và chị Phạm Thị L mỗi người phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng). Chấp nhận sự tự nguyện của anh N nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm, anh N được đối trừ với số tiền 300.000đ

(ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0001779 ngày 04/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Án phí cấp dưỡng: Anh Đặng Văn N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm anh N, chị L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THA dân sự thành phố Phủ Lý;
- UBND xã Nhân Thịnh, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Mai Oanh